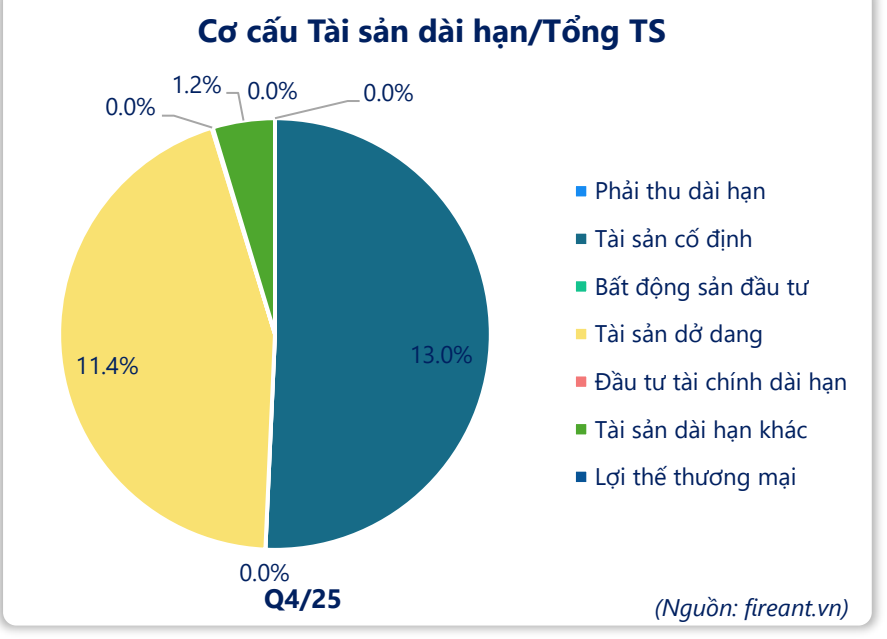
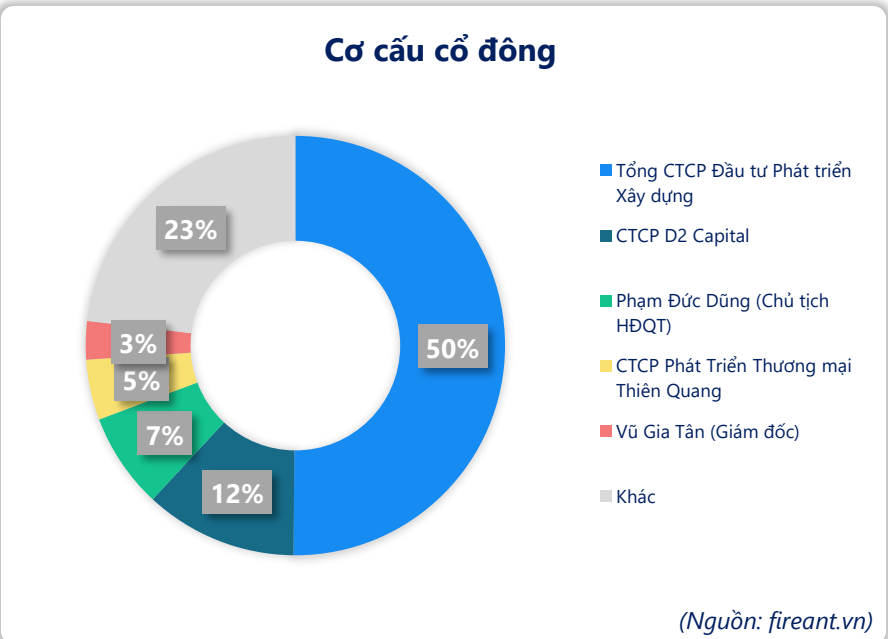
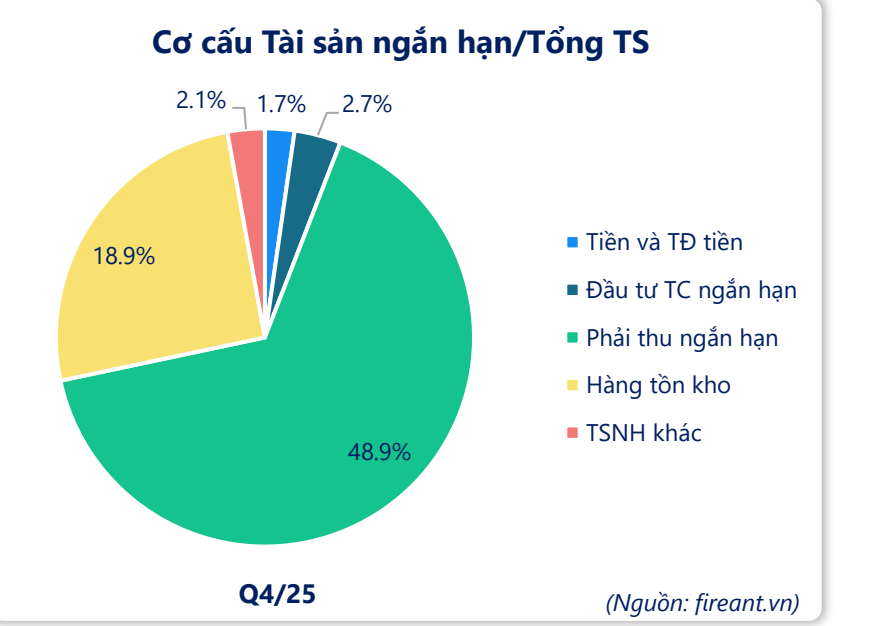
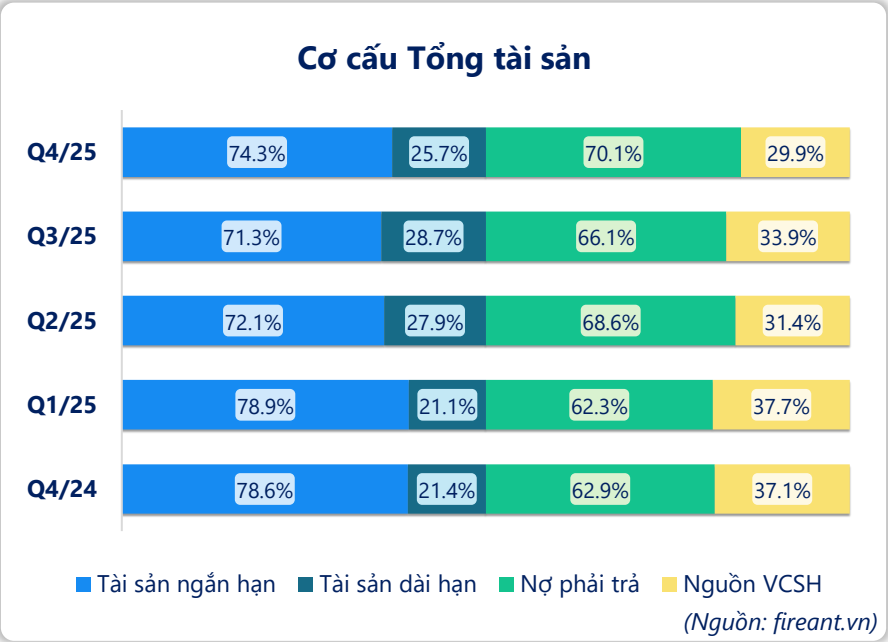
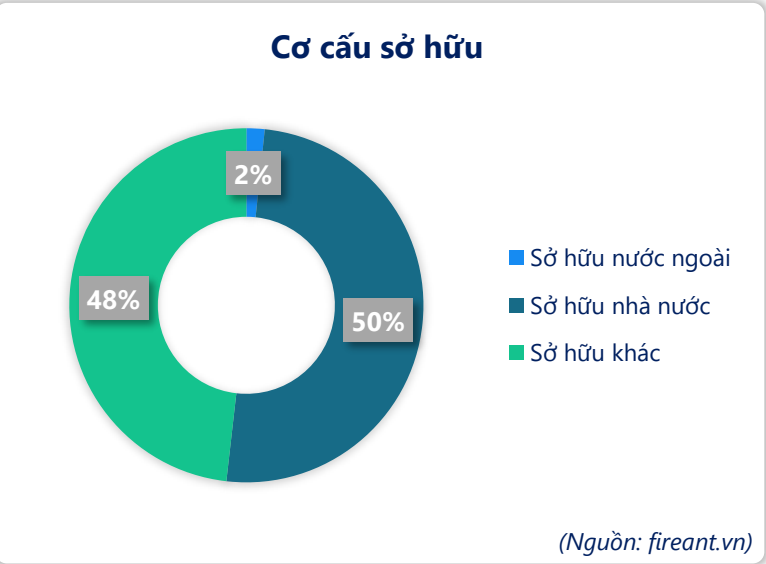
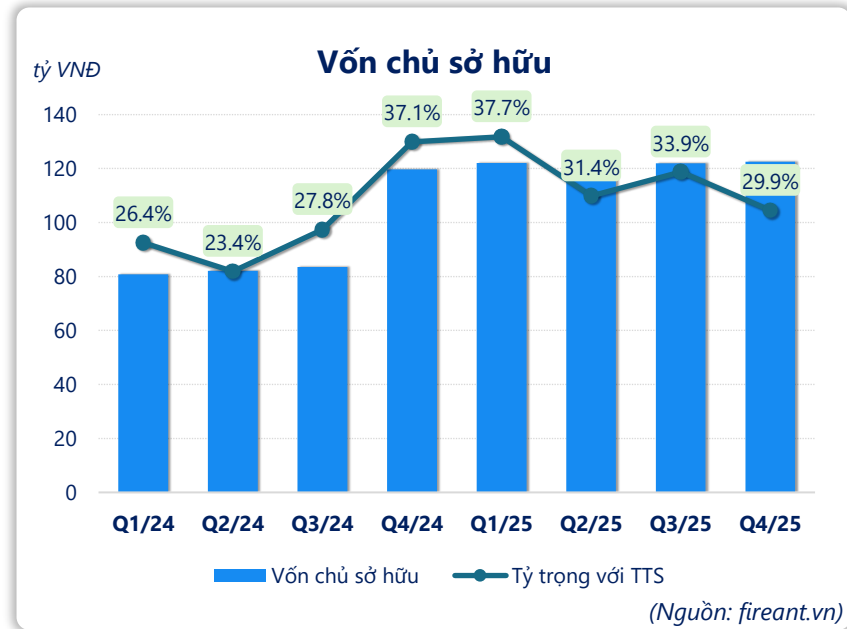
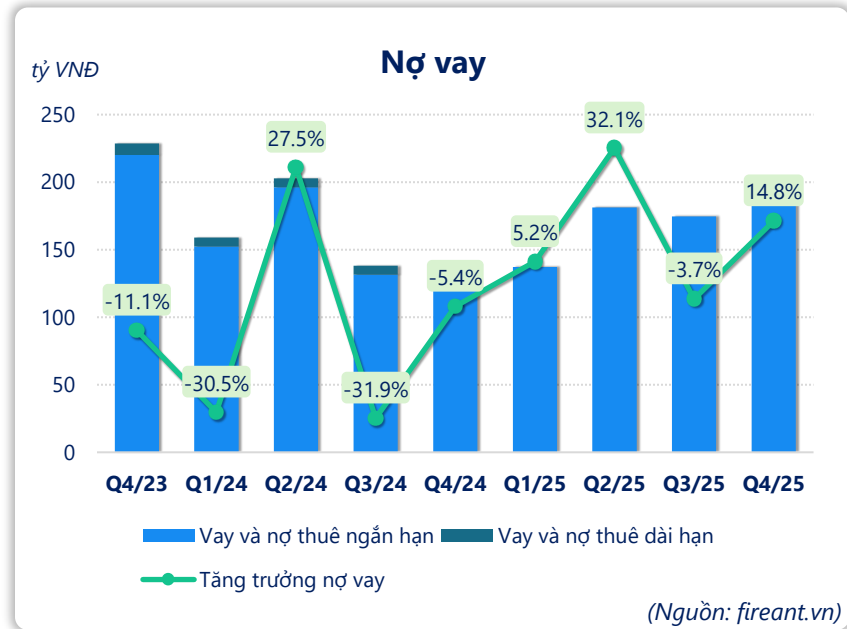
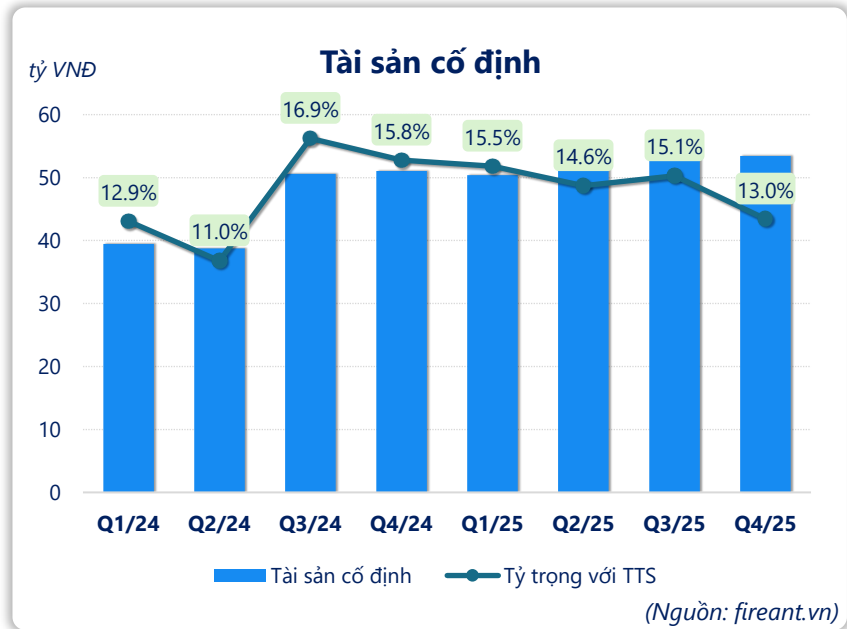
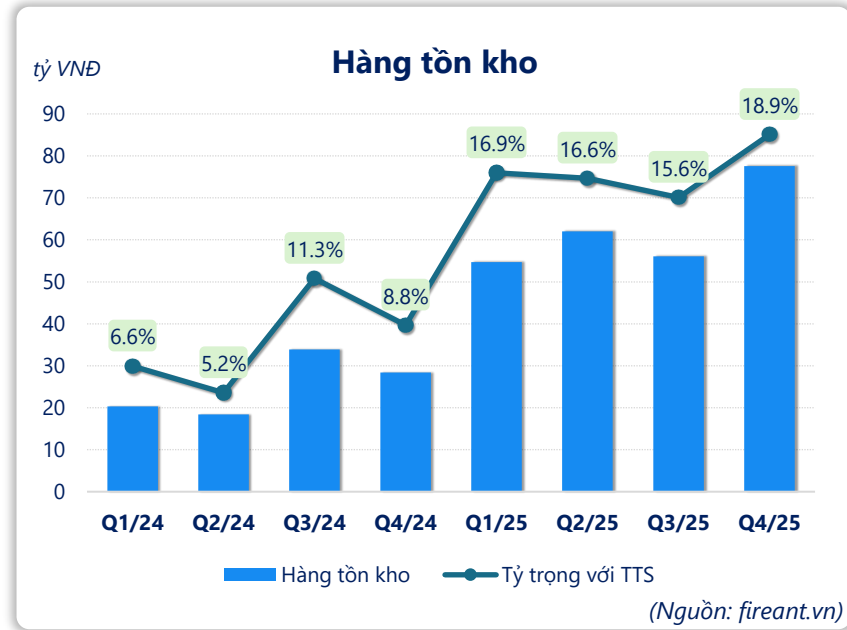
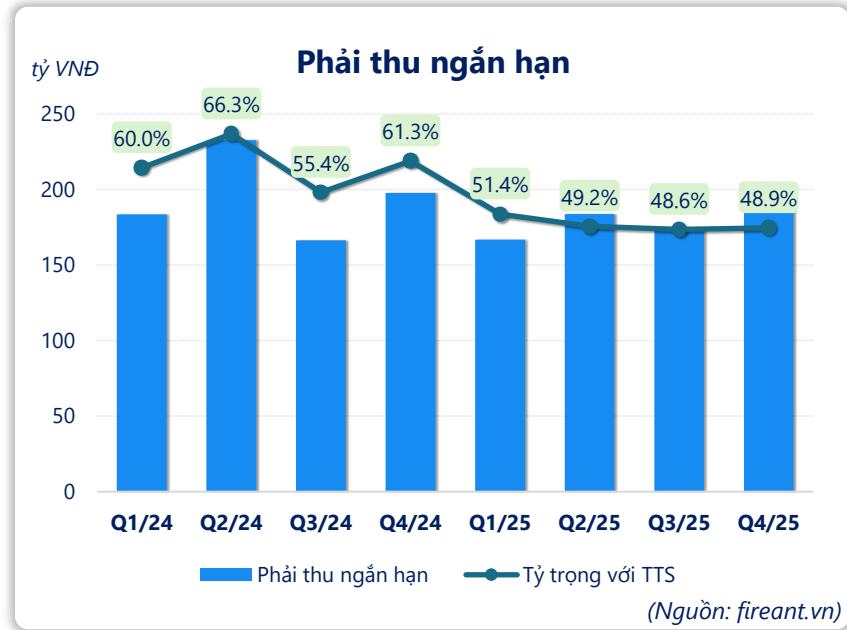
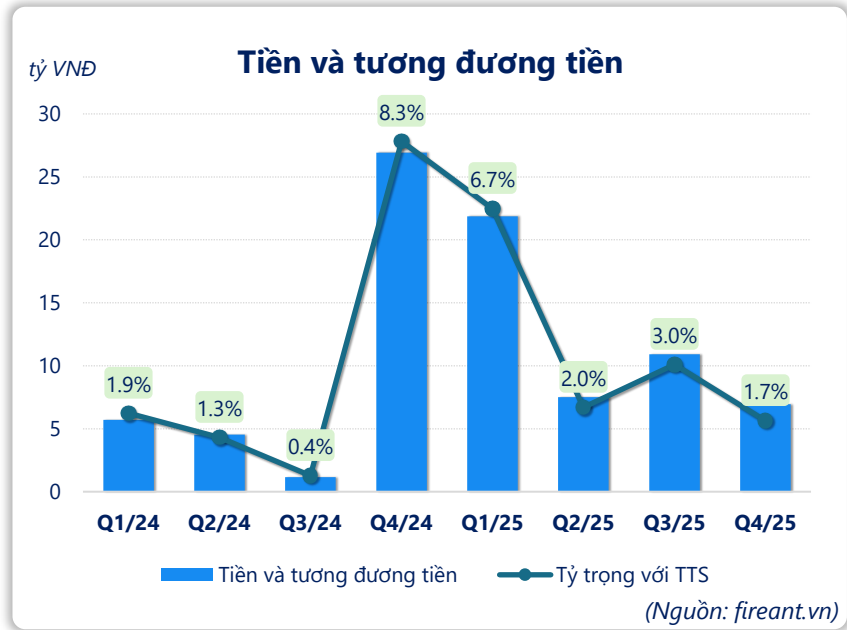
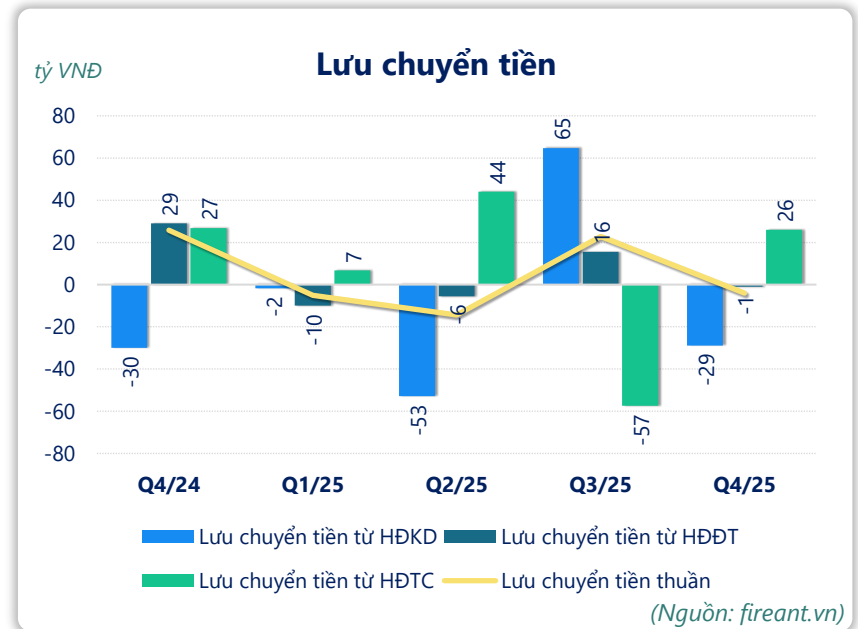
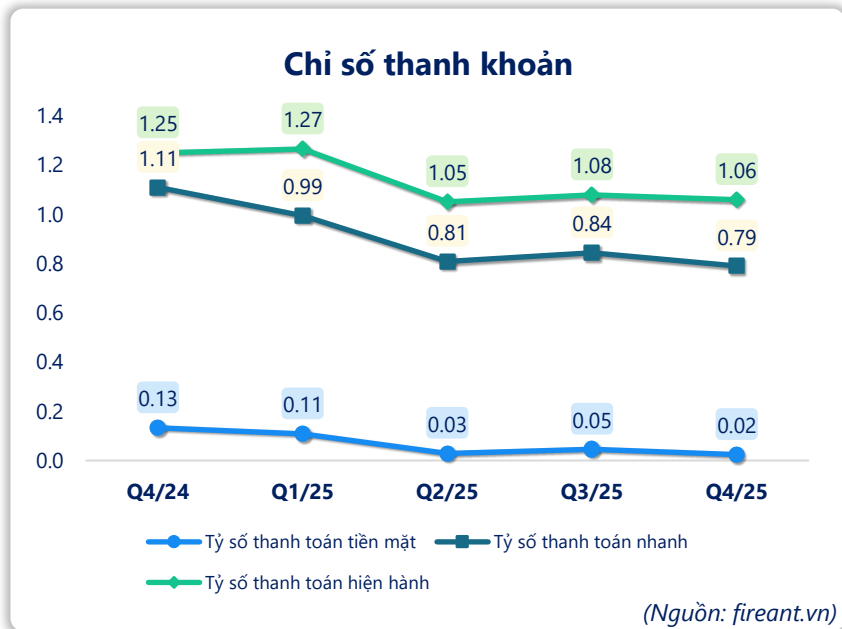
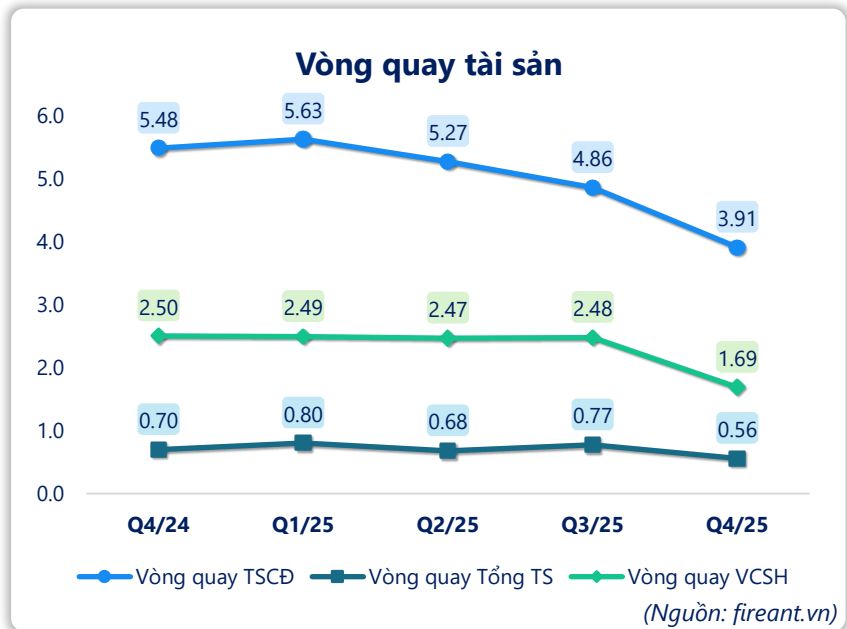
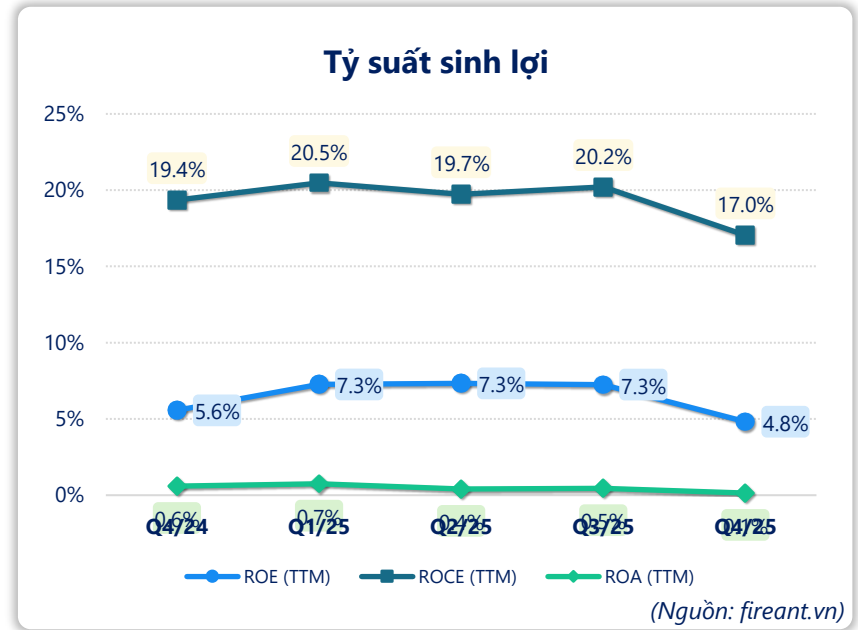
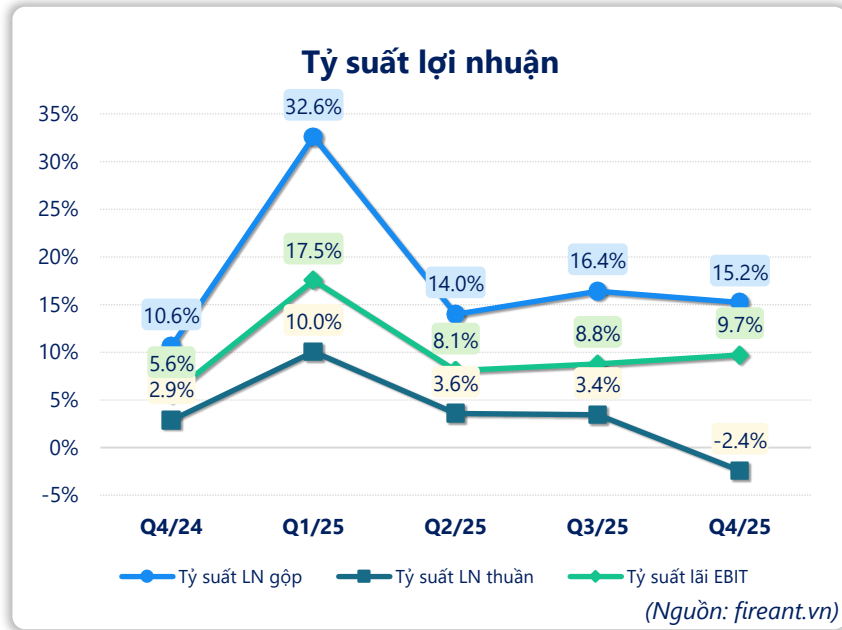
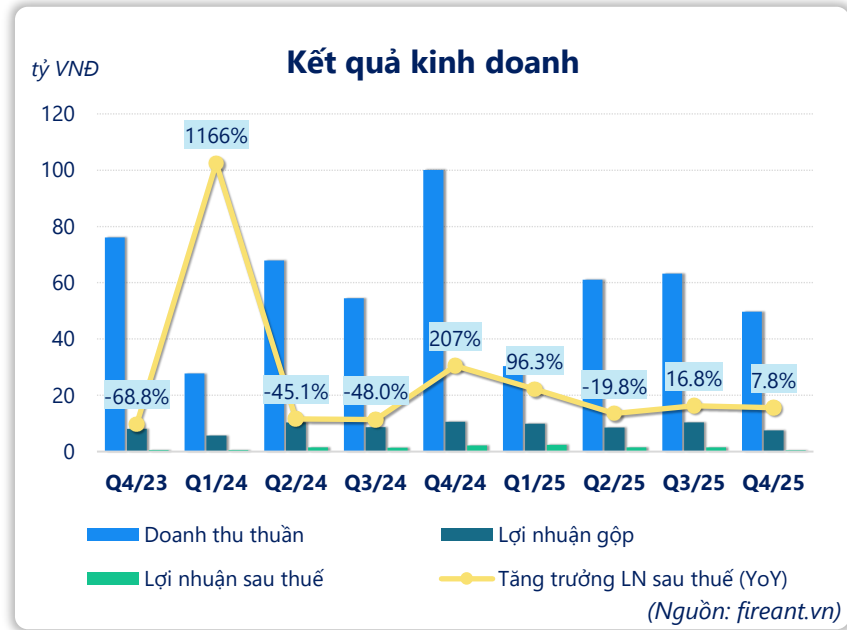


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,647
SL cổ phiếu LH		11,304,699
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,925
% sở hữu nước ngoài		1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		73
P/E		12.6
EPS		516

	YTD	1T	3T	6T
DC2	-9.1%	-7.1%	-7.1%	-13.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	410	322	27.3%
Tài sản ngắn hạn	305	253	20.4%
Tiền và tương đương tiền	6.94	26.9	-74.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.0	0	
Phải thu ngắn hạn	201	198	1.5%
Hàng tồn kho	77.6	28.4	173%
Tài sản ngắn hạn khác	8.79	0.36	2315%
Tài sản dài hạn	105	69.0	52.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	53.4	51.0	4.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	47.0	15.6	202%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Tài sản dài hạn khác	4.91	2.35	109%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	288	203	42.0%
Nợ ngắn hạn	288	203	42.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	201	131	53.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	62.7	50.9	23.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	123	120	2.4%
Vốn chủ sở hữu	123	120	2.4%
Vốn điều lệ	113	110	3.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	100	30.3	61.1	63.2	49.7
Giá vốn hàng bán	89.4	20.4	52.5	52.9	42.1
Lợi nhuận gộp	10.6	9.90	8.54	10.4	7.56
Doanh thu HĐTC	-0.27	0.01	0.22	0.13	0.14
Chi phí TC	2.67	2.24	2.76	3.30	3.43
Chi phí lãi vay	2.67	2.24	2.76	3.30	3.43
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0.07	0	0	0
Chi phí QLDN	4.83	4.54	3.83	5.04	5.48
LN thuần từ HĐKD	2.87	3.05	2.18	2.16	-1.20
Lợi nhuận khác	0.08	0.03	0.00	0.09	2.60
LN trước thuế	2.95	3.07	2.18	2.26	1.40
Lợi nhuận sau thuế	2.14	2.36	1.47	1.49	0.52
LNST của CĐ cty mẹ	2.14	2.36	1.47	1.49	0.52

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-30.0	-1.79	-52.9	64.7	-28.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	29.0	-9.99	-5.54	15.5	-0.99
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	26.7	6.73	44.1	-57.4	25.9
Tiền đầu kỳ	1.15	26.9	21.9	7.50	10.9
Lưu chuyển tiền thuần	25.8	-5.05	-14.4	22.8	-3.96
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.9	21.9	7.50	10.9	6.94

(Nguồn: fireant.vn)